

CÁCH THỨC XUNG HÔ BẰNG CÁC DANH TỪ THÂN TỘC TRONG TIẾNG THÁI

THE WAY OF USING A PARTICULAR NOUN INDICATING KINSHIP

IN THAI ETHNIC LANGUAGE

LÒ THỊ HỒNG NHUNG

(ThS; Đại học Tây Bắc)

Abstract: In Thai ethnic language, nouns which indicate family relationship - kinship are used not only by people in the family but also by people who do not have relative relationship to communicate in social life. This form of address has a strong and effective expressive meaning. When we carry out a research into the style of addressing in Thai families, we will study the form of address in every relation, such as between husband and wife, parents and children, brothers and sisters, daughter-in-law, son-in-law and other members in the family. Through the study, we hope to introduce a general but vivid and specific description of the form of address in Thai families.

Keywords: addressing forms; Thai language.

1. Mở đầu

1.1. Là một trong những dân tộc có ngôn ngữ, văn tự từ xa xưa, người Thái ở Việt Nam đã xây dựng cho dân tộc mình một hệ thống từ vựng khá phong phú và hoàn chỉnh. Nghiên cứu cách thức xưng hô trong giao tiếp tiếng Thái không những phần nào giúp chúng ta nắm bắt được những đặc điểm ngôn ngữ của người Thái mà còn giúp chúng ta hiểu thêm được những cách thức ứng xử văn hoá- ngôn ngữ của người Thái bộc lộ qua cách xưng hô. Đây cũng là vấn đề mà nhiều công trình nghiên cứu về ngôn ngữ cũng như văn hóa của người Thái còn bỏ ngỏ.

1.2. Trong hoạt động giao tiếp hàng ngày, người Thái sử dụng bốn kiểu xưng hô: dùng đại từ nhân xưng, dùng các danh từ chỉ quan hệ thân tộc, dùng tên riêng và dùng các danh từ chỉ chức nghiệp. Trong cộng đồng người Thái, kiểu xưng hô bằng tên riêng và kiểu xưng hô bằng các danh từ chỉ chức nghiệp ít được sử dụng. Xưng hô bằng tên riêng liên quan đến nguyên tắc kị húy, còn xưng hô bằng các danh từ chỉ chức nghiệp cần được xem xét ở một góc độ

khác: góc độ phát triển xã hội. Như vậy, trong tiếng Thái, xưng hô bằng đại từ nhân xưng và xưng hô bằng các danh từ chỉ quan hệ thân tộc là những kiểu xưng hô phổ biến nhất và tiêu biểu nhất. Xưng hô bằng đại từ nhân xưng mang tính khái quát cao, ít mang sắc thái tình cảm hơn so với kiểu xưng hô bằng các danh từ chỉ quan hệ thân tộc, cho nên dễ vận dụng trong các cuộc giao tiếp. Xưng hô bằng các danh từ chỉ quan hệ thân tộc mang tính cụ thể hơn, không dễ vận dụng cho mọi cuộc giao tiếp. Người Thái ưa dùng các danh từ chỉ qua hệ thân tộc để xưng hô nhằm tăng thêm tình thân hữu, giảm khoảng cách giữa mình với người đối thoại, coi trọng nguyên tắc: xưng thì khiêm nhường, hô thì tôn kính. Trong phạm vi bài viết này chúng tôi chỉ đi sâu tìm hiểu kiểu xưng hô bằng các danh từ chỉ quan hệ thân tộc trong tiếng Thái.

2. Hệ thống danh từ xưng hô chỉ quan hệ thân tộc trong tiếng Thái

Danh từ chỉ quan hệ thân tộc là những từ biểu hiện những người bà con trong cùng một dòng họ. Xét về số lượng, các danh từ chỉ quan

hệ thân tộc dùng để xưng hô trong tiếng Thái nhiều hơn tiếng Việt. Nghĩa là trong tiếng Việt, ở nhóm từ này có những từ không thể dùng làm từ xưng hô. Ngược lại, trong tiếng Thái những từ đó lại được sử dụng làm từ xưng hô với những nguyên tắc sử dụng chặt chẽ. Đồng thời, giữa những từ tương đương ở hai hệ thống lại có những cách sử dụng cũng như những kết cấu xưng hô và sắc thái biểu cảm khác nhau. Trong tiếng Thái, các danh từ chỉ quan hệ gia đình - thân tộc rất phong phú và đa dạng. Xét dưới góc độ xưng hô, có thể phân những danh từ chỉ quan hệ thân tộc trong tiếng Thái thành các nhóm sau:

- Những danh từ chỉ quan hệ thân tộc có chức năng xưng hô: *ai* (bố), *êm* (mẹ), *pá* (bác), *ào* (chú), *à* (cô), *nạ* (đì) *pì* - *noọng* (anh, chị - em), *lưk* (con), *làn* (cháu), *ninh* (con gái), *tra* (con trai)...

- Những danh từ chỉ quan hệ thân tộc chỉ mang chức năng miêu tả (định danh), không dùng để xưng hô như: *mè nai* (mẹ vợ), *mè dà* (mẹ chồng), *pò pú* (bố chồng), *phùa* (chồng), *mia* (vợ)...

- Những danh từ chỉ quan hệ thân tộc tự thân không có khả năng thực hiện chức năng xưng hô, nhưng có thể thực hiện vai trò này khi kết hợp đứng sau một danh từ chỉ quan hệ thân tộc

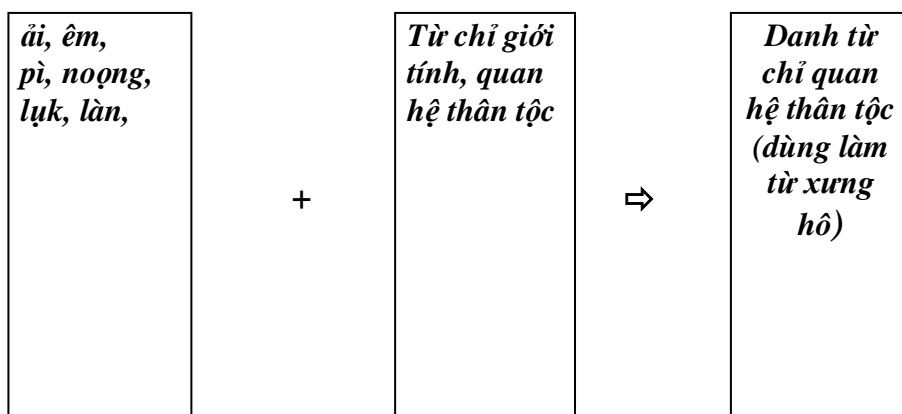
khác. *Pú* (bên nội), *Nai* (bên ngoại), *Khư* (rể), *Lua*, *Pẩu* (dâu). Trong giao tiếp hằng ngày khi xưng hô, người Thái không dùng *Khư* *ôi*, *Lua* *ôi* nhưng tùy vào vị thế của từng cá nhân trong gia đình có thể có các cách xưng hô: *Ái pú* (ông nội), *Êm nai* (bà ngoại), *Pì khư* (anh rể), *Noọng khư* (em rể), *Lưk khư* (con rể), *Làn khư* (cháu rể), *Áo khư* (chú rể), *Noọng pẩu* (em dâu), *Êm lua* (em dâu)...

Trong một số danh từ thuộc nhóm này có hiện tượng mở rộng ý nghĩa của danh từ làm từ xưng hô đó, từ một danh từ ban đầu. Danh từ chỉ quan hệ gia đình, thân tộc ban đầu đó tạm gọi là danh từ gốc, như các từ *ai*, *êm*, *pì*, *noọng*, *lưk*, *làn*; có thể ghép thêm một từ chỉ giới tính như *ninh*, *tra*, *thầu*,... quan hệ thân tộc để tạo thành một tổ hợp danh từ chỉ quan hệ gia đình, thân tộc mới được sử dụng làm từ xưng hô.

Ví dụ: *ai* (nghĩa là bố).

ai khi ghép với từ *pú* (chỉ bên nội) sẽ tạo thành danh từ *ai pú* (ông nội) mới được tạo thành từ ngữ được sử dụng trong xưng hô.

Tương tự với các từ còn lại như: *êm*, *pì*, *noọng*, *lưk*, *làn* cũng được coi là danh từ gốc để tạo ra một danh từ chỉ quan hệ gia đình, thân tộc được sử dụng làm từ xưng hô trong tiếng Thái theo quy tắc như trên, được cụ thể hoá trong sơ đồ sau:



Ví dụ:

Lưk (con) + *ninh* (từ chỉ giới tính "nữ") ⇒ *lưk ninh* (con gái).

Làn (cháu) + *khư* (chỉ quan hệ hôn nhân) ⇒ *làn khư* (cháu rể).

Khi được sử dụng như những yếu tố thay thế đại từ, các danh từ chỉ quan hệ thân tộc

trong lối xưng hô gia đình bao giờ cũng mang ý nghĩa gốc (ý nghĩa biểu hiện quan hệ gia tộc) và được phân bố theo ba cấp xưng hô sau:

- Cấp thứ nhất: *Làn* (cháu) - *pấn* (kì) - *pẩu* (cụ) - *pú* (ông) - *dà* (bà) - *pả* (bác) - *ào* (chú) - *na* (đì) - *à* (cô) - *ào khươi* (chú rể, chồng cô)...

- Cấp thứ hai: *lụk* (con) - *po* (cha) - *me* (mẹ)

- Cấp thứ ba: *noọng* (em) - *pì* (anh, chị)

Cũng như ở người Việt và nhiều dân tộc khác ở Đông Nam Á, trong cộng đồng người Thái đã sử dụng các danh từ chỉ quan hệ thân tộc để xưng hô với ba cấp độ. Đó là kiểu xưng hô mang đặc điểm dân tộc học, phản ánh đúng mỗi quan hệ các nhân vật tham gia hội thoại. Điểm đặc biệt trong việc sử dụng các danh từ chỉ quan hệ thân tộc để xưng hô của cộng đồng dân tộc Thái chịu sự chi phối rất lớn của ba mối quan hệ: *Ái noọng*, *Lung tà* và *Nhinh xao*. Đó là quan hệ: *Báu ái*, *cọ noọng* (không anh, cũng em), không anh em phía vợ cũng anh em phía mẹ, phía bà *Báu lúng cọ ta* và không anh em phía chồng các chị gái, cũng là anh em phía chồng các con gái *báu nhính*, *cọ xao*. Họ lấy tình cảm làm tiêu chuẩn, làm thước đo nhân cách, cách ứng xử của một con người. Mỗi quan hệ “*ái - noọng*” đó là mối quan hệ chỉ những anh em cùng cha mẹ (hoặc khác mẹ) người Thái gọi là nhóm “*ái noọng huôm po*” (anh em cùng cha, tương ứng với nghĩa anh em ruột); chỉ những anh em con chú, con bác được họ gọi là nhóm “*ái noọng huôm pú*” (anh em cùng ông); chỉ những anh em cùng một ông tổ “*ái noọng huôm pẩu*” (anh em cùng một cụ tứ đại). Khác với “*ái noọng*”, “*lúng ta*” là họ hàng nhà gái nói chung. Theo người Thái nhóm “*lúng ta*” gồm có bảy mối: họ hàng cụ bà bậc tứ đại gọi là “*lúng ta di*”; họ hàng cụ bà bậc tam đại, gọi là “*lúng ta da*”; họ hàng của mẹ gọi là “*lúng ta mang me*”; họ hàng của vợ gọi là “*lúng ta*”; họ hàng bên vợ của các em trai, gọi là “*lúng ta mang noọng*”; họ hàng bên vợ của các con gọi là “*lúng ta mang lụk*”; họ hàng bên vợ của các cháu “*lúng ta mang làn*”. Mối quan hệ “*nhính xao*” là quan hệ giữa những người con trai dòng họ có quan hệ hôn nhân với

con gái trong nhóm “*lúng ta*”. Như vậy, “*nhính xao*” là họ hàng nhà trai nói chung. Ba quan hệ trên xuất phát từ hình thái hôn nhân thuận chiều, tàn tích của liên minh thị tộc. Trong ba quan hệ đó, quan hệ giữa những người “*ái noọng*” là cơ bản, quan hệ của những người có trách nhiệm duy trì sự trường tồn của dòng họ. Còn quan hệ “*lúng ta*” biểu thị chủ yếu vị trí của ông cậu đối với cháu ngoại” [Đẫn theo 13, 277 - 285].

3. Các cách thức xưng hô bằng danh từ chỉ quan hệ thân tộc trong tiếng Thái

Sau đây chúng tôi sẽ đi sâu vào việc phân tích, miêu tả cụ thể các cách xưng hô trong từng loại vai giao tiếp cơ bản và phổ biến trong gia tộc người Thái.

3.1 Xưng hô giữa *pú/dà* (ông/bà) và *làn* (cháu) trong gia đình người Thái

Cấp từ xưng hô có tính hai chiều giữa *ông*, *bà* và *cháu* trong gia đình người Thái là *pú*, *dà - làn*. Đây là kiểu xưng hô tương ứng chính xác - mỗi người tự xưng bằng chính vai của mình và gọi đối tượng xét trong quan hệ vai với mình. Ví dụ:

- *Làn ma dăm pú dà á?* (Cháu đến thăm ông bà à?)

- *Pú dà kìn khẩu cẳm báu, làn chí xự hẩu.* (Ông bà có ăn xôi nếp cẳm không, cháu sẽ mua cho)

Bên cạnh kiểu xưng hô tương ứng chính xác như trên, xưng hô giữa ông/bà và cháu trong gia đình người Thái còn nhiều cách khác tùy thuộc vào ngữ cảnh giao tiếp với những sắc thái tình cảm khác nhau. Ví như việc sử dụng cấp đại từ *kù - mung*. Đại từ *kù* (tao) ngôi thứ nhất, số ít thường được ông/bà người Thái sử dụng để tự xưng với các cháu. Khi tự xưng là *kù*, ông bà sẽ gọi cháu là *mun* (mày). Ví dụ:

- *Kù báu hụ, mung dẹt niêu đẩu.* (Tao không biết mày làm thế nào).

Ông/bà có thể xưng là *kù* và gọi cháu là *bả/me* (thằng/con) + từ chỉ xuất *nị* (này). Ví dụ:

- *Pú (ông): - Bả nị ma dăm hươn kù báu?* (Thằng này về thăm nhà tao không?)

- Dà (bà): - *Me nị hên cúp kù bấu?* (Con này thấy nón của tao không?)

Người ông hoặc bà cũng có thể gọi tên riêng của cháu theo cấu trúc: *tên vai thiên chức làn (cháu) + tên riêng của người cháu*. Cách xưng hô bằng cấu trúc này được ông, bà người Thái sử dụng để xưng hô với các cháu vừa biểu thị thái độ thân mật, gần gũi vừa nhằm mục đích hướng phát ngôn vào đối tượng (cháu) cụ thể trong trường hợp có nhiều cháu đang đứng trước ông bà. Ví dụ:

- Pú (ông): *Mư nị làn Ình bấu pay dết ná á?* (Hôm nay cháu Ình không đi làm ruộng à?)

Trong xưng hô, ông, bà người Thái cũng thường sử dụng lối gọi thay vai:

- *Ai Bun hấu noọng pay in toi.* (Anh Bun cho em đi chơi nào.)

- *Ý An pay ép xừ má lẹo.* (Chị An đi học về rồi).

Trong những trường hợp xưng hô như trên người ông hoặc người bà tự tách vai của mình để khoác vai người anh/chị/ em của cháu để xưng hô với cháu. Thường là khi có mặt người em, ông/bà mới gọi anh/ chị của em theo lối thay vai như vậy. Đây là lối xưng hô gần gũi, thân thiết.

Cũng giống như người Việt, ông/bà người Thái có thể gọi cháu mình là *lưk (con)*. Đó là kiểu xưng hô nhằm tạo lập quan hệ, ông, bà tự kéo gần khoảng cách về thế hệ giữa mình và cháu cho thân mật. Trong những trường hợp như vậy, các cháu cũng tự xưng *lưk (con)* trước ông, bà nhưng vẫn gọi ông bà bằng đúng vai của ông bà *pú (ông), dà (bà)*, rõ hơn là *ải pú (ông nội), êm dà (bà nội), ải tà (ông ngoại), êm nai (bà ngoại)*. Cách xưng hô như vậy rất phổ biến trong giao tiếp hằng ngày trong các gia đình dân tộc Thái, đã tạo nên sự gần gũi giữa ông bà và cháu. Ví dụ:

- Pú (ông): *Xư lưk chảng tùm chạu cần lé?* (Sao con lại dậy sớm thế?)

- Làn (cháu): *Lưk khỉ lũng xút, pú à.* (Cháu bị giật mình ông ạ).

Cách xưng hô này của người Việt, người Thái khác với cách xưng hô giữa *cúng, má - làn*

(*ông, bà - cháu*) của người Nùng. Theo Phạm Ngọc Thường, “ở người Nùng ông, bà ít khi gọi cháu là con. Chỉ trong những cảnh huống nhất định họ mới gọi cháu là con nhất là khi đứa cháu còn nhỏ. Chẳng hạn do nghịch ngợm đứa cháu bị tai nạn, lúc đó ông bà có thể nói:

- *Hít lảng cúng chảng lưk mí tỉnh!* (Sao ông nói con không nghe!)

Ở những câu cảm thán, trong những trường hợp đặc biệt như trên ông bà người Nùng mới gọi cháu là *lưk (con)*. Có lẽ vì cháu cũng là một phần máu thịt của mình nên khi bé bị tai nạn, người ông, người bà cũng xót xa đau đớn như chính cha mẹ của bé. Lúc này khoảng cách về thế hệ, tuổi tác... của ông, bà như quá xa vời với tình yêu thương bé. Ông bà tự hạ mình xuống một thế hệ - thế hệ cha mẹ để gọi cháu là *lưk (con)*. Và có lẽ chỉ gọi như thế mới bày tỏ hết sự trách móc, xen lẫn niềm yêu thương, xót xa của ông bà đối với cháu”[12,137].

Khi các cháu lập gia đình và có con, ông bà người Thái thường gọi cháu kèm theo tên con đầu lòng của cháu. Đó là cấu trúc xưng hô: *tên vai thiên chức ải, êm (bố, mẹ) + tên riêng con đầu lòng của cháu*. Ví dụ:

- *Ải Lâm pay xư dà ma hấu êm nai nớ.* (Bố Lâm đi mua thuốc cho bà ngoại nhé.)

Trong cách gọi này, ông bà vẫn tự xưng với các cháu đúng với vai quan hệ của mình là “*êm nai*” (bà ngoại).

Như vậy, xưng hô giữa ông bà và cháu là xưng hô giữa những người khác xa nhau về thế hệ, tuổi tác, sự từng trải... Vì ở bậc trên, ông bà luôn chủ động trong việc lựa chọn từ xưng hô với các cháu. Ông bà có thể sử dụng từ xưng hô với các sắc thái tình cảm thân mật/suồng sã, âu yếm/ giận giữ, xưng hô bằng vai và xưng hô thay vai. Còn cháu, vì ở bậc thấp hơn, ở vị trí thấp hơn trong gia đình nên các cháu chỉ có thể xưng hô một cách tôn kính với ông bà. Chính vì thế, trong loại quan hệ vai này những từ ông bà dùng để xưng hô với các cháu phong phú hơn các từ các cháu có thể dùng để xưng hô với ông bà. Đặc điểm này cũng là sự thể hiện tính một chiều của người có quyền uy trong xưng hô.

3.2 Xưng hô giữa *po - me (bố mẹ)* với *luk (con cái)* trong gia đình người Thái

Cặp từ xưng hô *po, me; ai, êm* (bố, mẹ) với *luk* (con cái) là cặp từ xưng hô hai chiều biểu thị đúng vai thiên chức, mối quan hệ trong xưng hô giữa cha, mẹ với con cái trong gia đình người Thái đồng thời biểu hiện tình cảm gần bố, gần gũi, yêu thương.

Khi con còn nhỏ, các ông bố, bà mẹ người Thái thường đặt tên tục cho những đứa con yêu của mình, thường gọi chung là “lả”, là “úm”, là “ui”, không có sự phân biệt về giới tính, dùng gọi chung cho cả con trai và con gái. Ví dụ:

- *Luk lả êm ơi bók phăng, nhứt xưng ộ nó.*

(Con yêu của mẹ ngoan ngoãn, lớn khôn nhé)

- *Ui hặc panh ơi!* (Ui yêu ơi - lời cưng nựng con)

Trong những lúc cưng nựng, cha mẹ người Thái có thể gọi con mình là *luk ninh (em bé gái), luk chài (em bé trai)*. Cha mẹ người Thái thường tự xưng trước con bằng đúng vai thiên chức của mình là *po me/ ai êm (bố, mẹ)* một cách thân mật, tình cảm và gọi con mình là *luk* hay tên riêng của người con.

Khi con cái khôn lớn, cha mẹ người Thái vẫn thường xưng *ai/êm (cha/mẹ)* và gọi con là *luk* một cách nhẹ nhàng, tình cảm. Khi nóng giận, không kiềm chế được cha mẹ người Thái thường xưng *kù (tao)* và gọi con là *mung (mày)*. Tính quyền uy để giáo dục con cái còn thể hiện qua việc dùng các từ chỉ giống *bả (thằng - giống đực), me (con - giống cái)* kết hợp với từ chỉ xuất *ị (này)* để gọi con. Có thể nhận thấy điều này qua ví dụ sau:

- *Bả ị bấu bấu pay liệng ngua há?* (Thằng này không đi chăn bò à?)

- *Me ị bók bấu phăng quám ai êm.* (Con bé này bảo không nghe lời bố mẹ)

Thân mật hơn một chút, cha mẹ có thể gọi các con theo cấu trúc: từ chỉ giống *bả/me* + tên riêng của con. Ví dụ:

- *Bả Hặc hấu mu kin hê?* (Thằng Hặc đã cho lợn ăn chưa?)

- *Me Mẩn le noọng nó.* (Cái Mẩn trông em đấy).

Khi có con, con cái người Thái thường gọi bố mẹ mình là *ai, êm/ai pú, êm dà, ai tà, êm nai (ông, bà, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại)*. Đó là cách gọi thay ngôi - lấy ngôi con mình để gọi cha mẹ. Ví dụ:

- *Ái pú dù hươn, luk cánh làn pay chợ xư chuong kin.*

(Ông nội ở nhà, con với cháu đi chợ mua thức ăn)

Lúc này, cha/mẹ người Thái cũng gọi con mình kèm theo tên con cả theo cấu trúc như sau: Tên vai thiên chức *ai/ êm (cha/mẹ)* + *bả/me (thằng/con)* + tên riêng của người cháu đầu. Ví dụ:

Ái (Ông): - Chợ lău ai bả Tiêng pay Mưong La? (Bao giờ bố Tiêng đi Mưong La?)

Luk (con): Mè pu ai à. (Ngày mai bố ạ).

- *Êm nai (bà ngoại): - Êm me Ủa hê nồn á?* (Mẹ con Ủa vẫn chưa ngủ à?)

Trong giao tiếp với anh chị em trong gia tộc, các ông bố bà mẹ Thái cũng thường xuyên sử dụng lối gọi thay vai, tức lấy vai con mình để xưng hô. Chẳng hạn khi anh chị của bố mẹ đã lập gia đình thì bố mẹ không gọi anh chị mình bằng từ *pì (anh chị)* mà đứng ở vai con gọi *ai lung (bác trai), êm pả (bác gái)*. Cách xưng hô này thể hiện thái độ trọng thị, coi *pả lung (bác - nói chung)* như *ai êm (cha mẹ)* của mình.

- *Ái lung, êm pả hảo hăn mẩn đum!* (Chúc bác trai, bác gái mạnh khỏe)

Như vậy, quan hệ giữa cha mẹ và con cái là quan hệ phi đối xứng cho nên xưng hô giữa cha mẹ và con cái là xưng hô giữa những người trên vai (*po, me, ai, êm - bố mẹ*) với những người dưới vai (*luk - con cái*). Sự phân định ngôi thứ một cách rõ ràng tạo cho việc xưng hô trong quan hệ vai này có những đặc điểm sau: - Vì ở vai trên, có quyền uy nên cha mẹ có thể lựa chọn từ xưng hô một cách thoải mái với các sắc thái âu yếm, thân mật/suông sẻ, giận giữ, trung hoà về sắc thái biểu cảm... Ngược lại, vì ở vai dưới, trong mọi trường hợp, con cái luôn phải xưng hô chuẩn mực, lễ độ với cha mẹ. Mọi cách xưng hô vượt qua tôn ti sẽ bị coi là phạm chuẩn, không thể chấp nhận được.

Xung hô trong mối quan hệ này về cách thức người Thái và người Việt giống nhau.

3.3 Xung Pì (bác anh, chị) - noọng (bác em) trong gia tộc người Thái

Pì trong tiếng Thái được dùng để chỉ bậc trên cùng một thế hệ. Khi dịch ra tiếng Việt từ này vừa có nghĩa là *anh*, vừa có nghĩa là *chị* và thường được dùng để xưng hô trong các phạm vi khác nhau.

- Sử dụng xưng hô trong đối thoại trong phạm vi anh chị em ruột thịt cũng như anh chị em hai bên nội ngoại (*pì* thường được sử dụng để xưng hô ở bậc anh chị khi anh chị chưa lập gia đình) với sắc thái biểu cảm thân mật. Ví dụ:
- *Pì bók noọng cháng hụ.* (Anh bảo em mới biết)

Khi anh chị đã lập gia đình, người Thái sẽ sử dụng *pì* kết với các danh từ chỉ quan hệ thân tộc khác như *lung*, *pả* = *pì lung* (ông anh trai), *pì pả* (bà chị gái). Cách xưng hô này ngầm khẳng định anh chị mình đã có gia đình riêng và thể hiện thái độ tôn kính, lịch sự của người xưng hô.

- *Pì* là cách xưng hô tất, thay cho cách gọi đầy đủ gồm một yếu tố gốc và một yếu tố phụ. *Pì* thay cho *pì khươi* (anh rể), *pì pậu* (chị dâu), *pì nhìn* (chị gái)...

- *Pì pậu ời, dú hươn bấu le?* (Chị dâu ơi chị có nhà không đấy?)

Thường ngày, trong xưng hô giữa anh chị em trong gia đình cũng như ngoài xã hội, trong cộng đồng người Thái hay sử dụng từ *pì* kết hợp với các từ chỉ giới *chài* (anh), *nhinh* (chị) thể hiện cách xưng hô tôn kính, lịch sự. Ví dụ:

- *Pì nhìn nhăng chú noọng bấu?* (Chị còn nhớ em không?)

- *Noọng mà hí pì chài bók!* (Em lại đây anh bảo!)

Chài vốn có nghĩa là “trai”: *pì chài* (anh trai); *nhinh* vốn có nghĩa là “gái”: *pì nhìn* (chị gái). Trong xưng hô các từ này đã chuyển nghĩa.

- *Pì* cũng thường xuất hiện trong các lời hát giao duyên trong tình yêu đôi lứa, trong phạm

vi sử dụng này, *pì* luôn có nghĩa là “anh yêu” và *noọng* có nghĩa là “em yêu”.

Pì ời dú nỉ ná phạo mưa

Noọng nhăng dú nư cơ lăm mản

(*Anh yêu ơi ở lại đây chớ có vội về*

Em yêu còn ở trên ngàn khuất núi).

Trong xưng hô tương ứng chính xác với *pì* là từ *noọng* (em). Trong ngữ cảnh giao tiếp chỉ có hai người thì cặp xưng hô *pì chài* - *noọng* (anh - em), *pì nhìn* - *noọng* (chị - em) thường được sử dụng phổ biến. Trong ngữ cảnh giao tiếp khác, ngoài hai người đối thoại, còn có nhiều người khác nữa thì hai từ gốc này thường kèm theo tên riêng:

Noọng Pắt pày cơ lău lé? (Em Pắt đi đâu đấy?)

Từ *noọng* (em) trong tiếng Thái vốn là một từ xưng gọi biểu thị sự yêu mến, âu yếm cho nên ngoài kiểu xưng hô tương ứng chính xác với *pì* (anh/chị) như trong cách xưng em với anh/chị giống tiếng Việt còn có thể thay thế cho *làn* (cháu) để xưng hô với *po* (ông), *me* (bà), *ải lung* (bác trai), *êm pả* (bác gái), *ào à* (cô chú)...và thay thế cho *lưk* (con) để xưng hô với *ải*, *êm* (bố mẹ). Nghĩa là người ở vị thế thấp như con, cháu đều có thể xưng *noọng* với người ở vị thế cao như ông bà, cha mẹ, chú bác...Đây là cách xưng hô khá phổ biến trong gia tộc người Thái.

Ví dụ: - *Po* (ông): *Mưng pày dết vjæk mà á?* (Mày vừa đi làm về à?)

- *Làn* (cháu): *Noọng chọm ma.* (Em vừa về ạ)

- *Ải* (bố): *Tún chạu noọng pày dết xuân bấu?* (Sáng nay em có đi làm vườn không?)

- *Lưk* (con): *Noọng nhăng pày ép xừ.* (Em còn đi học.)

- *Làn* (cháu): *Ào hău noọng pày in toi.* (Chú cho em đi chơi cùng)

- *Ào* (chú): *Bấu đăy, ào pày dết vjæk.* (Không được, chú đi làm việc.)

Qua các cặp thoại trên chúng tôi nhận thấy *con*, *cháu* xưng *noọng* với ông bà, bố mẹ, bác bá, cô chú...và đến lượt mình, ông bà, bố mẹ, cô chú...cũng gọi *con cháu* của mình là *noọng*.

Như vậy, từ *noọng* vừa dùng để tự xưng (ngôi thứ nhất) vừa là từ để gọi (ngôi thứ hai). Cách xưng hô này mang tính thuận nghịch.

Đối chiếu với kiểu xưng *em* trong tiếng Việt, chúng tôi nhận thấy, *con cháu* cũng có thể xưng *em* với *ông bà, cha mẹ, chú bác...* nhằm thiết lập một mối quan hệ gần gũi hơn giữa các thế hệ. Ngược lại, những người ở vị thế trên như *ông bà, cha mẹ...* cũng có thể gọi *con, cháu* mình là *em* (thường là thể hiện sự cung nụng, âu yếm đối với trẻ nhỏ). Lẽ thường, đối với người Việt, khi con, cháu còn nhỏ tuổi, trước tuổi học đường mới xưng *em* với *ông bà, cha mẹ*. Trong cách xưng hô này vị thế của các nhân vật tham gia hội thoại vẫn giữ nguyên nhưng khoảng cách đã được rút ngắn lại - gần gũi và thân mật hơn. Đây cũng là điểm tương đồng thú vị trong cách xưng hô của hai tộc người. Tuy nhiên, có điểm khác biệt, nếu như đối với người Việt cách xưng hô *em* với người trên vai bị giới hạn bởi tuổi tác (đối tượng là trẻ nhỏ, khi trưởng thành sử dụng cách xưng hô khác) trong khi đó người Thái dùng từ *noọng* để xưng hô cho cả người trưởng thành và khi người mang vai là *noọng* lập gia đình, có con cái mới có thể chuyển sang cách xưng hô khác.

3.4 Xưng hô giữa dâu, rẻ với các thành viên trong gia tộc người Thái

Những danh từ chỉ quan hệ thân tộc như dâu, rẻ trong tiếng Việt thường không dùng làm từ xưng hô mà chỉ có thể dùng với nghĩa gốc. Danh từ dâu, rẻ trong tiếng Việt chủ yếu mang chức năng định danh, chức năng miêu tả. Đối với người Việt, các thành viên trong gia tộc khi gọi dâu, rẻ của mình thường gọi bằng tên riêng đích danh người đó hoặc gọi bằng các danh từ thân tộc như anh, chị, chú, bác... hay gọi theo cấu trúc danh từ thân tộc + tên riêng của người dâu, rẻ đó như: anh Hùng, chị Lan... Nghĩa là tùy vào mối quan hệ và mức độ tình cảm giữa các thành viên giao tiếp mà chọn từ xưng hô cho phù hợp.

Theo chuẩn mực thông thường, có lẽ ít gia đình người Việt nào lại gọi dâu, rẻ của mình theo kiểu “dâu ơi, giúp mẹ một tay nào” hay

“cháu rẻ đào giúp bà cái rãnh nhé!”... Những cách xưng hô đó có lẽ chỉ gặp trong những câu vui đùa, nhận nhau cho thân mật. Ví dụ:

- Con dâu của mẹ hôm nay diện quá nhỉ?
- Con rẻ tương lai giúp bố rào vườn nhé!

Ngược lại, trong tiếng Thái, trong gia đình người Thái, các từ *khroi* (rẻ), *pẩu* (dâu) lại được sử dụng làm từ xưng hô với những nguyên tắc xưng hô chặt chẽ.

Khi dâu, rẻ chưa có con, người Thái chủ yếu gọi con dâu, con rẻ theo công thức: *Luk* + *khroi/pẩu* + tên riêng của dâu, rẻ. Ví dụ:

- *Luk khroi Toàn mà dam hươn á?* (Con rẻ Toàn về thăm nhà à?)

- *Luk pẩu Vân mà chòi em háp lùa!* (Con dâu Vân đến giúp mẹ gánh củi!)

Cách xưng hô như trên thể hiện sự tôn trọng của bố mẹ đối với con dâu, con rẻ trong các gia đình Thái.

Khi cháu dâu, rẻ chưa có con, ông bà, bác bá, cô chú... thường gọi cháu dâu, rẻ theo cấu trúc: danh từ thân tộc *làn* (cháu) + danh từ *khroi* (rẻ), *pẩu* (dâu) = *làn khroi* (cháu rẻ), *làn pẩu* (cháu dâu). Ví dụ:

Pú (ông): - *Làn khroi au ai pay hươn nó.* (Cháu rẻ đưa bố về nhà nhé)

Dà (bà): - *Mự đẩu làn pẩu pay Hà Nội?* (Hôm nào cháu dâu đi Hà Nội?)

À (cô): - *Làn khroi xự khẩu bánh hẩu à á?* (Cháu rẻ mua bánh biếu cô đây à?)

Đây là kiểu xưng hô thuận nghịch, tương ứng chính xác: ông bà, chú bác ↔ cháu. Do có danh từ dâu, rẻ đi sau danh từ chỉ quan hệ thân tộc *làn* (cháu) nên trong xưng hô giữa ông bà, chú bác... với các cháu trong gia tộc người Thái có sự phân biệt giữa các cháu trong nội tộc, cùng huyết thống với cháu dâu, cháu rẻ - do quan hệ hôn nhân mà có. Nghĩa là, nếu gọi cháu nội hoặc cháu ngoại của mình, ông bà người Thái thường dùng danh từ *làn* (cháu) để gọi. Nhưng với cháu dâu, cháu rẻ thì ông bà, chú bác... người Thái thường gọi rõ là *làn khroi* (cháu rẻ), *làn pẩu* (cháu dâu). Đây là cách xưng hô trang trọng nên rất hay được dùng trong hoàn cảnh giao tiếp quy thức.

Trong quan hệ vai giữa anh, chị, em với dẫu, rể trong gia tộc lại có những cách xưng hô rất đặc biệt. Trong giao tiếp hằng ngày khi xưng hô, người Thái không dùng *khưoi ới, lua ới* (rể ới, dẫu ới) nhưng tùy vào vị thế của từng cá nhân dẫu, rể trong gia đình có thể có các cách xưng hô: *ai khưoi/ pi khưoi* (anh rể), *noọng khưoi* (em rể), *luk khưoi* (con rể), *làn khưoi* (cháu rể), *ào khưoi* (chú rể), *noọng pẩu* (em dẫu), *uoi pẩu* (chị dẫu). Cách xưng hô này góp phần bộc lộ rõ vị thế và mối quan hệ của các nhân vật tham gia hội thoại.

Khi dẫu, rể có con thì ông bà, chú bác...người Thái sẽ gọi con (hoặc cháu) dẫu, rể của mình theo công thức: tên vai thiên chức *ai-êm* (bố, mẹ), *làn* + từ chỉ giống *me, bả* (con, thẳng) + tên riêng của con đầu lòng của người dẫu, rể đó (bất luận đưa con đầu lòng của họ là trai hay gái). Chẳng hạn, người dẫu, rể có con đầu lòng tên là Pản thì những người ở vị thế trên như ông bà, cha mẹ, chú bác...sẽ gọi con (hoặc cháu) dẫu, rể của mình là *ai bả Pản* (bố thẳng Pản), *êm bả Pản* (mẹ thẳng Pản) .. Người Thái còn có một cách xưng hô đặc biệt và phổ biến nữa là ghép tên của bố với tên riêng của người con cả (ví dụ Thiên Lĩnh (tên bố là Lĩnh, tên con cả là Thiên), Hạc San (tên bố là San, tên con cả là Hạc) hoặc dùng tên con cả để gọi thay ví như *êm mè Pắt* (mẹ cái Pắt – Pắt là tên của con cả), *ai pá Là* (bố thẳng Là – Là là tên con cả được dùng để gọi thay cho bố). Trong cách gọi này có công thức gọi tên riêng được xác lập đó là: *ai* (bố) *êm* (mẹ) + tên riêng của người con cả trong gia đình. Trong hoàn cảnh giao tiếp mang sắc thái thân mật, suồng sã, nếu là nữ khi gọi tên riêng bao giờ cũng kết hợp với từ “me” (cái) ở phía trước; nếu là nam khi gọi tên riêng bao giờ cũng kết hợp với từ “bả” (thẳng) ở phía trước tên riêng ví dụ như *me Châu bả Là* (cái Châu thẳng Là).

Trong gia đình người Việt, ông bà, cha mẹ, chú bác...cũng có thể gọi con, cháu dẫu, rể của mình kèm theo tên con đầu lòng của người dẫu, rể đó. Ví dụ:

- Bố Hà mới đi công tác về đây à?

- Mẹ Vinh đã nấu xong cơm chưa?

Cách xưng hô này của người Việt phần lớn được sử dụng trong các gia đình ở nông thôn và một số gia đình ở thành thị. Cách gọi này mang tính đơn lẻ, tùy theo từng gia đình, tùy từng địa phương. Còn đối với người Thái, lối xưng hô này mang tính xã hội cao, được cộng đồng người Thái sử dụng rộng rãi trong gia tộc của mình. Theo quan niệm của người Thái, gọi kèm tên con người đối thoại nhằm biểu thị người đó đã có lộc của trời, đã lên chức cha mẹ. Nếu người đối thoại với mình đã có con mà mình lại không dùng lối xưng hô thay vai thì đó là một việc làm mất lịch sự. Cách gọi này còn có một hàm ý nữa là ngầm nhắc nhở người được gọi có ý thức trách nhiệm về vai trò làm bố, làm mẹ của mình.

4. Kết luận

Nghiên cứu các cách xưng hô trong gia tộc người Thái, chúng tôi nhận thấy:

1) Các danh từ chỉ quan hệ gia đình, thân tộc mà người Thái sử dụng khi xưng hô có một số lượng lớn. Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy có đến sáu lăm danh từ chỉ quan hệ gia đình, thân tộc được người Thái sử dụng để xưng hô trong các tình huống khác nhau để bày tỏ tình cảm, tâm hồn của mình. Các từ xưng hô này chỉ ra rất rõ ràng quan hệ giữa các thành viên có quan hệ gia đình, thân tộc khi xưng hô với nhau. Và người Thái sử dụng gần như triệt để các từ xưng hô loại này, góp phần biểu hiện những nét bản sắc văn hoá độc đáo trong giao tiếp ứng xử của dân tộc Thái.

2) Cũng như ở người Việt, hai nguyên tắc cơ bản được người Thái sử dụng trong xưng hô là nguyên tắc tự ngã trung tâm và nguyên tắc gọi thay ngôi. Nguyên tắc tự ngã trung tâm là những cách xưng hô tương ứng chính xác (lấy bản thân mình làm mốc để xưng hô) thể hiện đúng mối quan hệ của mình với người đối thoại như *pú dà* (ông bà) - *làn* (cháu); *po me* (bố mẹ) - *luk* (con); *pi* (anh chị) - *noọng* (em); *kù* (tao) - *mung* (mày)...Nguyên tắc gọi thay ngôi là những cách gọi kèm, gọi thay vai người khác - lấy vai người khác để xưng hô.

3) Người Thái hạn chế gọi tên riêng của người đối thoại. Đặc biệt người ở vị thế thấp không được phép gọi tên tục của người ở vị thế cao. Nguyên tắc kỵ húy được tuân thủ một cách nghiêm ngặt. Thay vào đó người Thái đã có những từ ngữ và cách gọi kèm, gọi thay vai. Vì thế, số lượng từ xưng hô giữa các thành viên trong gia tộc người Thái rất phong phú và đa dạng.

4) Trong khi tiến hành các hoạt động giao tiếp trong đời sống hàng ngày, người Thái luôn phân định rạch ròi mối quan hệ giữa mình và người đối thoại. Điều đó trước hết được thể hiện qua các từ xưng hô. Các cặp từ xưng hô đối lập giữa *lưk ók* (con đê) và *lưk liêng* (con nuôi), *lưk* (con) và *lưk khươi*, *lưk pẩu* (con rể, con dâu); *ái pú*, *êm dà* (ông bà nội) và *ái tà*, *êm nai* (ông bà ngoại); *làn* (cháu), *làn khươi*, *làn pẩu* (cháu rể, cháu dâu)...là những bằng chứng sinh động nhất, chứng minh cho luận điểm chúng tôi vừa nêu.

5) Trong hệ thống danh từ thân tộc của tiếng Việt, một số danh từ thân tộc chỉ có chức năng miêu tả, định danh chứ không dùng để xưng hô như *dâu*, *rể*, *anh rể*, *em rể*, *bác trai*, *bác gái*...Thì ngược lại trong nguyên tắc xưng hô trong gia tộc người Thái là phải xưng hô đúng mối quan hệ của mình với người đối thoại. Nghĩa là một số danh từ chỉ quan hệ thân tộc không được dùng làm từ xưng hô trong tiếng Việt nhưng trong tiếng Thái chúng lại được sử dụng làm từ xưng hô với những nguyên tắc rõ ràng, chặt chẽ như các từ *lưk khươi* (con rể), *làn khươi* (cháu rể), *ào khươi* (chú rể - chồng cô), *noọng pẩu* (em dâu), *lưk pẩu* (con dâu), *làn pẩu* (cháu dâu), *ái lung*, *pì lung* (bác trai), *êm pả*, *pì pả* (bác gái)...Hiện tượng này khiến cho lớp danh từ chỉ quan hệ thân tộc dùng để xưng hô trong tiếng Thái có số lượng nhiều hơn lớp danh từ chỉ quan hệ thân tộc dùng để xưng hô trong tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Như Cương, Bế Viết Đăng, Nông Quốc Chân (1987), *Một số vấn đề về phát triển*

văn hoá các dân tộc thiểu số cái chung và cái riêng trong nền văn hoá Việt Nam, Nxb VHDT, Hà Nội.

2. Cẩm Cường (1993), *Tìm hiểu văn học dân tộc Thái ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội.

3. Phan Hữu Dật (1999), *Một số vấn đề dân tộc học Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.225.

4. Trần Trí Dõi (1999), *Nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Vũ Tiến Dũng - Cẩm Thúy Nga (2009), *Bước đầu tìm hiểu từ xưng hô tiếng Thái trong hoạt động giao tiếp*, Ngữ học trẻ 2008, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam – Trường Đại học Vinh, Hà Nội 2009.

6. Vũ Tiến Dũng - Lò Thị Hồng Nhung (2011), *Cách sử dụng đại từ xưng hô trong tiếng Thái và một vài định hướng cơ bản hướng dẫn học sinh dân tộc Thái sử dụng từ xưng hô tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp*, Tạp chí Giáo dục (số 6), tr. 26 - 31.

7. Nguyễn Văn Hoà (2001), *Truyện cổ và dân ca Thái vùng Tây Bắc Việt Nam*, Nxb VHDT, Hà Nội.

8. Nguyễn Văn Huy (1997), *Bức tranh văn hoá các dân tộc Việt Nam*, Nxb Giáo dục, tr.115 -117.

9. Ngô Văn Lê, Nguyễn Văn Tiệp, Nguyễn Văn Diệu (1998), *Văn hoá các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Nxb Giáo dục, tr. 40.

10. Hoàng Văn Ma (1978), *Cách thức xưng hô trong tiếng Tày*, Nxb Văn hoá Dân tộc, Hà Nội.

11. Nguyễn Đức Tồn (2008), *Đặc trưng văn hoá dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*, Nxb Khoa học Xã hội.

12. Phạm Ngọc Thường (1998), *Các cách thức xưng hô trong tiếng Nùng*, Luận án tiến sĩ ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

13. Cẩm Trọng (1978), *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội.

14. Cẩm Trọng - Phan Hữu Dật (1995), *Văn hoá Thái Việt Nam*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 26-01-2014)